TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28/9/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Nông Văn Vụ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*:** Ông Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 134/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2017/QĐXXST-HNGD ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Ánh M; Sinh năm 1992; HKTT: Tổ S, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: Tổ MB, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Tuấn N; Sinh năm 1989; HKTT: Tổ H, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Hoàng Ánh M trình bày: Chị M và anh N kết hôn ngày 10/7/2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình, đăng ký kết hôn ngày 12/02/2014 tại UBND phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi chửi và 03 lần đánh đập. Khi xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng không còn tình cảm nên không muốn hòa giải. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017,

chị M và con trai ra ngoài ở riêng tại nhà một người họ hàng tại Tổ MB, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng sinh sống cho đến nay. Sau khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nông Cao K, sinh ngày 10/12/2013, hiện nay cháu đang ở với chị M. Chị M đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/9/2017 và đơn trình bày ngày 14/9/2017 anh Nông Tuấn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Xác nhận anh và chị M có quan hệ hôn nhân như chị M trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Quá trình mâu thuẫn có cãi chửi và một lần xô xát (Anh N là người đánh trước) nhưng không gây thương tích gì. Kể từ khi xảy ra mâu thuẫn bản thân hai vợ chồng, gia đình hai bên, địa phương chưa hòa giải lần nào. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017. Sau khi ly thân chị M đem con ra ngoài ở riêng. Từ đó hai người thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa tới mức độ trầm trọng, không nhất thiết phải ly hôn. Nhưng nếu chị Mvẫn kiên quyết xin được ly hôn thì anh N cũng nhất trí.

Về con chung: Xác nhận vợ chồng có một con chung như chị Mtrình bày. Trường hợp ly hôn anh N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Anh N cho rằng bản thân anh có chỗ ở ổn định, có thu nhập và chủ động được thời gian chăm sóc con tốt hơn. Còn chị M không có chỗ ở ổn định, không chủ động được thời gian chăm sóc con và thường xuyên chơi bài ăn tiền nên nếu con ở môi trường như vậy sẽ không tốt.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, nợ riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt tại Tòa án, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nông Tuấn N và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của chị M về việc nuôi con chung: Chị M cho rằng hiện nay anh N không có việc làm nên không có thu nhập để nuôi con. Giấy xác nhận lương anh N cung cấp cho Tòa án không đúng sự thật vì thực tế anh N không làm việc cho Công ty TNHH Hà Minh 1168 nhưng chị không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Sau khi ly hôn chị cùng con sẽ chuyển về sống tại nhà mẹ đẻ và sẽ tự xây nhà riêng để ở, chị khẳng định không có việc chị chơi bài ăn tiền như anh N trình bày. Với những lý do trên chị M yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giao

con cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục vì chị M có điều kiện nuôi con tốt hơn anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Ánh M về việc xin ly hôn với anh Nông Tuấn N. Về việc nuôi con chung: Giao con chung cho M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Hoàng Ánh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, bị đơn Nông Tuấn N có đơn xin giải quyết ly hôn vắng mặt tại Tòa án. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh N hết hôn ngày 10/7/2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị M và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ tòa án thu thập được cho thấy sau khi kết hôn khoảng hơn một năm chị M anh N xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Quá trình mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cãi chửi, có một lần xô xát đánh đập. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài 2 năm nhưng cả hai bên không tìm được biện pháp hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị M anh N đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Sau khi ly thân hai vợ chồng vẫn giữ liên lạc nhưng chỉ để hỏi thăm con cái chứ không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ trầm trọng, chưa nhất thiết phải ly hôn nhưng lại không đưa ra được biện pháp gì nhằm khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu chị M kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Hơn nữa, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã nhiều lần thông báo để các bên đến

hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt, điều này cho thấy anh N không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân của chị M và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Chị Mai và anh N có một con chung là Nông Cao K, sinh ngày 10/12/2013, hiện con chung đang ở với chị M tại Tổ MB, phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Hiện nay chị M đang làm nhân viên tại Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại du lịch Nguyên Hùng với mức thu nhập khoảng 11 triệu đồng một tháng, đảm bảo khả năng nuôi con. Sau khi ly thân, chị M sống riêng cùng con trai, chị M hoàn thành tốt trách nhiệm của một người mẹ, nuôi dạy con tốt. Để đảm bảo cuộc sống của cháu K trong tương lai không bị xáo trộn, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị M không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét. Ý kiến anh N cho rằng chị M thường xuyên có hành vi chơi bài ăn tiền nhưng lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Kết quả xác minh với chính quyền địa phương cho thấy chị M không có hành vi như anh N trình bày, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của anh N không có cơ sở.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Do chị M và anh N đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Chị M và anh N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Ánh M. Xử cho chị Hoàng Ánh M được ly hôn với anh Nông Tuấn N.

- Về con chung: Giao con chung Nông Cao K, sinh ngày 10/12/2013 cho chị Hoàng Ánh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nông Tuấn N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Ánh M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0000170 ngày 16/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Chị Hoàng Ánh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nông Tuấn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Đinh Thị Hoài Phương